

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Ông Chu Văn Đệ	Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN X20



Chu Văn Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026



Số: *0703.01* -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *07* tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05/3/2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		243.995.936.089	308.252.024.934
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	88.847.896.326	190.950.080.012
1. Tiền	111		38.847.896.326	190.950.080.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	25.604.122.466	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.604.122.466	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.895.053.885	96.251.348.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	88.359.744.297	47.974.950.878
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	3.073.610.228	47.648.775.118
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	461.699.360	627.622.781
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	36.199.549.095	19.799.690.041
1. Hàng tồn kho	141		36.396.984.265	20.633.757.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(197.435.170)	(834.067.603)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.449.314.317	1.150.906.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	1.449.314.317	1.150.906.104
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.508.768.712	213.345.538.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.703.900.000	19.700.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	17.700.000.000	19.700.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	3.900.000	-
II. Tài sản cố định	220		103.980.466.457	117.193.696.889
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	93.708.703.890	107.319.979.748
- Nguyên giá	222		329.004.348.043	330.203.300.494
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(235.295.644.153)	(222.883.320.746)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	10.271.762.567	9.873.717.141
- Nguyên giá	228		11.391.160.220	10.695.633.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.119.397.653)	(821.916.579)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.212.313.238	924.692.243
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	2.212.313.238	924.692.243
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	63.394.835.186	63.394.835.186
1. Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.217.253.831	12.132.314.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	13.217.253.831	12.132.314.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		444.504.704.801	521.597.563.581

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh		31/12/2025		Đơn vị tính: VND	
					01/01/2025	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		171.299.070.251	245.230.446.342		
I. Nợ ngắn hạn	310		169.449.070.251	240.030.446.342		
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	85.406.793.762	115.115.079.795		
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	593.560.976	28.958.971.238		
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14.	6.920.965.846	18.224.026.154		
4. Phải trả người lao động	314		44.494.735.034	24.695.241.197		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	4.598.760.192	2.478.748.659		
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	369.000.002	30.000.000		
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	9.347.003.688	8.454.911.884		
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	11.022.616.893	39.744.382.079		
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.695.633.858	2.329.085.336		
II. Nợ dài hạn	330		1.850.000.000	5.200.000.000		
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	1.850.000.000	700.000.000		
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19.	-	4.500.000.000		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		273.205.634.550	276.367.117.239		
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20.	273.205.634.550	276.367.117.239		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000		
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.717.374.374	56.635.639.925		
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.988.260.176	47.231.477.314		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		6.959.029.150	6.959.029.150		
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.029.231.026	40.272.448.164		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		444.504.704.801	521.597.563.581		

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị







Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã Thuuyết số mình		Năm 2025		Đơn vị tính: VND		Năm 2024	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.003.485.689.531	1.206.020.138.415				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-				
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1.003.485.689.531	1.206.020.138.415				
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	888.880.328.841	1.039.913.872.041				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114.605.360.690	166.106.266.374				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	18.064.924.569	10.210.488.958				
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	37.906.869	82.401.260				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-				
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	4.228.460.174	31.895.147.553				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	97.415.844.606	94.999.145.541				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		30.988.073.610	49.340.060.978				
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.458.796.908	239.308.603				
12. Chi phí khác	32	VI.6.	3.289.038	120.100.139				
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.455.507.870	119.208.464				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.443.581.480	49.459.269.442				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	4.414.350.454	9.186.821.278				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.029.231.026	40.272.448.164				

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	Mã Thuyet số minh	Năm 2025	Đơn vị tính: VND Năm 2024
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01	32.443.581.480	49.459.269.442
1.	Lợi nhuận trước thuế			
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCD và BĐSĐT	02	18.639.538.188	19.849.629.341
-	Các khoản dự phòng	03	(29.358.397.619)	20.963.232.363
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	12.226.826	(81.410.279)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.998.668.369)	(10.140.081.166)
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	(4.500.000.000)	4.000.000.000
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(761.719.494)	84.050.639.701
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.422.240.725	57.598.784.498
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.763.226.621)	22.043.244.721
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(40.593.449.398)	41.271.593.386
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.383.347.715)	(6.498.925.203)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.896.130.283)	(2.936.934.291)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.574.165.193)	(6.452.328.714)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	(55.549.797.979)	189.076.074.098
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	(6.724.180.730)	(8.004.434.654)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22	181.778.558	236.222.222
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.504.122.466)	(13.459.154.688)
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	3.753.134.353	1.974.570.170
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.293.390.285)	(19.252.796.950)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.250.930.200)	(10.350.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.250.930.200)	(10.350.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2025	Năm 2024	Đơn vị tính: VND
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(102.094.118.464)	159.473.277.148	
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	190.950.080.012	31.445.186.704	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoài tệ	61	(8.065.222)	31.616.160	
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01 88.847.896.326	190.950.080.012	

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng



Ngô Thị Hoa



Chu Văn Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 so Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0100109339 ngày 15/8/2025, vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thú công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày./.

Trụ sở chính của Công ty: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	TDP An Thái, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 phố Tuệ Tĩnh, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Lô 04, KCN Tây Bắc Ga, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

Danh sách Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chủ, xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Xí Nghiệp Do may Quân đội	Phường Long Biên, TP. Hà Nội
2. Chi nhánh Miền Trung	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3. Trường mầm non X20	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 599 người (Tại ngày 31/12/2024: 664 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 1.5.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Người sử dụng bao cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày báo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất và Chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí Dự án tòa nhà văn phòng, chi phí mua phần mềm chuyên dụng cho ngành dệt may và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa dựa trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng thuê tài sản đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi theo đối theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

19. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và 10% với hoạt động giáo dục.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	VND	VND
Tiền mặt	38.847.896.326	190.950.080.012
Tiền gửi ngân hàng	5.335.522.295	2.113.318.544
Tiền đang chuyển	33.385.526.618	188.836.761.468
	126.847.413	-
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (1)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa (2)	25.000.000.000	-
Cộng	88.847.896.326	190.950.080.012

(1) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%.

(2) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa có kỳ hạn từ 1-3 tháng với lãi suất 4,75%.

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	61.735.835.186	-	61.735.835.186	
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	-	8.000.000.000	
Công ty TNHH MTV X20 Thái	9.500.000.000	-	9.500.000.000	
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	38.235.835.186	-	38.235.835.186	
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	6.000.000.000	-	6.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	1.659.000.000	-	1.659.000.000	
Công ty Cổ phần 199 (v)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	
Cộng	63.394.835.186	-	63.394.835.186	

- (i) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hoà hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (ii) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (iii) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.
- (iv) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

(v) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận. Tại thời điểm 31/12/2025, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (1)	104.122.466	-	100.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long (2)	3.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Láng Hạ (3)	17.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (4)	5.000.000.000	-	-
Cộng	25.604.122.466	-	100.000.000

(1) Khoản tiền gửi theo hợp đồng số 1052720567 ngày 06/12/2024 với thời hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, trả lãi cuối kỳ. Hợp đồng tự động gia hạn.

(2) Khoản tiền gửi theo hợp đồng số 336.25.05433692670.TG.DN ngày 19/9/2025 với thời hạn 6 tháng, lãi suất 4,95%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Các khoản tiền gửi với thời hạn từ 4 - 6 tháng, lãi suất 4,55 - 6,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(4) Khoản tiền gửi với thời hạn từ 12 tháng, lãi suất 5,4%/năm, trả lãi cuối kỳ.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

a) Ngắn hạn

31/12/2025		01/01/2025	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Kim Ánh	7.051.084.952	-	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	57.466.768.943	-	-
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	10.474.110.000	-	-
Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân Đội	4.204.592.012	-	10.371.135.463

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tổng cục thuế	-	-	14.512.798.450	-
Cục Hậu cần - Kỹ thuật quân khu 5	-	-	3.821.974.200	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty xăng dầu	-	-	2.065.546.000	-
Các đối tượng khác	9.163.188.390	-	17.203.496.765	-
Cộng	88.359.744.297	-	47.974.950.878	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	-	47.052.032.598	-
Công ty TNHH phát triển VBM Việt Nam	1.723.031.521	-	-	-
Công ty CP VBM Thịnh vượng	744.725.745	-	-	-
Các đối tượng khác	605.852.962	596.742.520	-	-
Cộng	3.073.610.228	47.648.775.118	-	-

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đơn vị tính: VND				
a) Dài hạn				
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (1)	17.700.000.000	-	19.700.000.000	-
Cộng	17.700.000.000	-	19.700.000.000	-

(1) Hợp đồng cho vay số 01/2023/X20-X20TN ngày 15/06/2023 với hạn mức cho vay là 19.700.000.000 đồng. Thời hạn 5 năm, lãi suất 2,5%/ năm, lãi trả cuối kỳ. Phương thức cho vay là cấp vốn từng lần qua tài khoản thanh toán hoặc bù trừ công nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích để bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 31/12/2025, số dư của khoản cho vay là 17.700.000.000 đồng.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Phải thu khác

31/12/2025		Đơn vị tính: VND	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn			
Tạm ứng	35.000.000	-	-
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	110.000.000
Phải thu khác	296.986.854	-	417.080.849
Dự nợ phải trả khác	119.712.506	-	100.541.932

b) Dài hạn

Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	3.900.000	-	-
Cộng	3.900.000	-	-
	465.599.360	-	627.622.781

7. Hàng tồn kho

31/12/2025		Đơn vị tính: VND	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.534.569.124 (197.435.170)	11.536.554.482	(834.067.603)
Công cụ, dụng cụ	94.461.742 -	712.045	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.619.178.135 -	4.858.603.428	-
Thành phẩm	14.091.022.172 -	1.142.011.853	-
Hàng hoá	3.057.753.092 -	3.095.875.836	-
Cộng	36.396.984.265 (197.435.170)	20.633.757.644	(834.067.603)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2025		Đơn vị tính: VND	
Chi phí sửa chữa lớn		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC		575.654.888	125.175.000
Dự án tòa nhà văn phòng		-	125.175.000
Chi phí sửa chữa khác		557.923.407	-
		17.731.481	-
Xây dựng cơ bản dở dang		131.658.350	-
		131.658.350	-
Lắp đặt cải tạo khu vực CF Lounge		1.505.000.000	799.517.243
Mua sắm TSCĐ		-	480.917.243
Phần mềm quản lý khách sạn		-	318.600.000
Bản quyền hệ thống phần mềm FPR SPRO		1.505.000.000	-
Phần mềm chuyên dụng cho ngành dệt may		-	-
Cộng		2.212.313.238	924.692.243



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	230.284.360.754	69.178.349.240	18.596.757.431	7.049.540.942	5.094.292.127	330.203.300.494
Mua trong năm	-	284.920.000	-	184.693.000	-	469.613.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.242.385.153	-	-	56.176.524	-	4.298.561.677
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.651.566.570)	-	-	-	(3.651.566.570)
Giảm do tháo dỡ	(2.315.560.558)	-	-	-	-	(2.315.560.558)
Số dư ngày 31/12/2025	232.211.185.349	65.811.702.670	18.596.757.431	7.290.410.466	5.094.292.127	329.004.348.043
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	146.111.069.444	56.079.743.357	11.440.664.842	4.871.550.976	4.380.292.127	222.883.320.746
Khấu hao trong năm	11.640.436.262	4.275.256.714	1.658.598.416	767.765.722	-	18.342.057.114
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.641.314.591)	-	-	-	(3.641.314.591)
Giảm do tháo dỡ	(2.288.419.116)	-	-	-	-	(2.288.419.116)
Số dư ngày 31/12/2025	155.463.086.590	56.713.685.480	13.099.263.258	5.639.316.698	4.380.292.127	235.295.644.153
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	84.173.291.310	13.098.605.883	7.156.092.589	2.177.989.966	714.000.000	107.319.979.748
Tại ngày 31/12/2025	76.748.098.759	9.098.017.190	5.497.494.173	1.651.093.768	714.000.000	93.708.703.890

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 101.623.784.838 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 93.346.517.263 đồng)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1 0. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	9.504.466.000	1.191.167.720	10.695.633.720
Mua trong năm	-	695.526.500	695.526.500
Số dư ngày 31/12/2025	9.504.466.000	1.886.694.220	11.391.160.220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	-	821.916.579	821.916.579
Khấu hao trong năm	-	297.481.074	297.481.074
Số dư ngày 31/12/2025	-	1.119.397.653	1.119.397.653
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2025	9.504.466.000	369.251.141	9.873.717.141
Tại ngày 31/12/2025	9.504.466.000	767.296.567	10.271.762.567
Nguyên giá TSCE cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 333.367.720 đồng)			

1 1. Chi phí trả trước Đơn vị tính: VND

<i>a) Ngắn hạn</i>	Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.449.314.317	1.150.906.104
	Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	1.091.345.589	878.004.506
	Chi phí trả trước khác	132.303.982	100.978.112
		225.664.746	171.923.486
<i>b) Dài hạn</i>		13.217.253.831	12.132.314.329
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ			
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ			
Chi phí trả trước khác			
Cộng			
		14.666.568.148	13.283.220.433

12. Phải trả người bán Đơn vị tính: VND

<i>a) Ngắn hạn</i>	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	9.851.281.270	9.851.281.270	18.489.327.643	18.489.327.643
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	10.639.026.308	10.639.026.308	15.493.369.596	15.493.369.596
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.234.214.807	2.234.214.807	3.758.847.717	3.758.847.717

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	12.185.668.628	12.185.668.628	-	-
Công ty TNHH XNK SX và TM Pháp Thành	-	-	7.274.048.370	7.274.048.370
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Duy Trang	-	-	7.399.029.612	7.399.029.612
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Minh Tâm	-	-	9.270.801.137	9.270.801.137
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và dệt may Đồng Bắc	6.278.630.486	6.278.630.486	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH MTV SX & TM Sao Vàng	7.408.954.162	7.408.954.162	-	-
Công ty TNHH Phong Lan	-	-	7.756.058.988	7.756.058.988
Công ty Cổ phần 199	30.648.912	30.648.912	12.847.387.801	12.847.387.801
Các đối tượng khác	36.778.369.189	36.778.369.189	32.676.208.931	32.676.208.931
Cộng	85.406.793.762	85.406.793.762	115.115.079.795	115.115.079.795

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

a) Ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	28.339.634.076
Các đối tượng khác	593.560.976	619.337.162
Cộng	593.560.976	28.958.971.238

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Đơn vị tính: VND

Phải nộp	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Thuế GTGT	12.156.424.928	11.315.480.418	18.055.767.263	5.416.138.083
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	108.871.088	108.871.088	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	145.826.861	145.826.861	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.831.217.213	4.416.871.177	8.896.130.283	1.351.958.107
Thuế thu nhập cá nhân	236.384.013	2.096.592.514	2.191.202.994	141.773.533
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	246.400.000	246.400.000	-
Các loại thuế khác	-	384.551.419	373.455.296	11.096.123
Cộng	18.224.026.154	18.714.593.477	30.017.653.785	6.920.965.846

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	887.107.419	922.000.000
Trích trước tiền thuê đất	1.673.952.932	-
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí Tư vấn chiến lược và quản trị vận hành công ty	600.000.000	-
Trích trước chi phí khác	478.864.842	597.913.660
Cộng	4.598.760.192	2.478.748.659

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu cho thuê	324.000.000	30.000.000
Doanh thu bán phòng nghỉ	45.000.002	-
Cộng	369.000.002	30.000.000

17. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	9.347.003.688	8.454.911.884
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	491.085.721	436.865.775
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.000.000	715.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)</i>	8.750.917.967	7.303.046.109
<i>Trợ cấp thôi việc</i>	221.700.000	222.630.200
<i>Các quỹ khác của Công ty</i>	24.385.033	49.029.566
<i>Phải trả khen thưởng thi đua</i>	15.827.000	35.827.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	1.880.820.000	2.111.020.000
	6.608.185.934	4.884.539.343
<i>b) Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.850.000.000	700.000.000
Cộng	11.197.003.688	9.154.911.884

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

18. Dự phòng phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	11.022.616.893	24.593.502.468
Dự phòng quỹ tiền lương	-	15.150.879.611
Cộng	11.022.616.893	39.744.382.079

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu năm	4.500.000.000	4.500.000.000
Hoàn nhập	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số cuối năm	-	-

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị tính: VND	
			Lợi nhuận sau thuế	Cộng
			chưa phân phối	

Số dư ngày 01/01/2024	172.500.000.000	56.635.639.925	20.712.115.419	249.847.755.344
Lãi trong năm trước	-	-	40.272.448.164	40.272.448.164
Chia cổ tức	-	-	(10.350.000.000)	(10.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.403.086.269)	(3.403.086.269)
Số dư ngày 31/12/2024	172.500.000.000	56.635.639.925	47.231.477.314	276.367.117.239
Lãi trong năm nay	-	-	28.029.231.026	28.029.231.026
Chia cổ tức (*)	-	-	(17.250.000.000)	(17.250.000.000)
Trích các quỹ (*)	-	12.081.734.449	(23.022.448.164)	(10.940.713.715)
Phân chia lợi nhuận quản lý vận hành nhà khách	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư ngày 31/12/2025	172.500.000.000	68.717.374.374	31.988.260.176	273.205.634.550

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHDCD ngày 27/6/2025 thì Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 10.940.713.715 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển là 12.081.734.449 đồng và chia cổ tức 10% trên Vốn điều lệ là 17.250.000.000 đồng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cài Mẹp	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.250.000.000	10.350.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

21. Các khoản mục ngoại Bảng cân đối kế toán tổng hợp

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	61.652,09	67.483,77

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	Đơn vị tính: VND 01/01/2025
Công ty Cổ phần Cải Mếp	8.912.276.971	8.912.276.971
Uniao Suprimentos Militares Ltda Ep	36.058.808	36.058.808
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	997.191.910
CK Diaz General Merchandise	1.450.952.832	1.450.952.832
Công ty Xây dựng 472 - BD12	208.881.400	208.881.400

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

a) Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa	927.683.958.440	1.168.036.491.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.801.731.091	37.983.647.394

Cộng **1.003.485.689.531** **1.206.020.138.415**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

Giá vốn bán hàng hóa	834.551.306.070	1.014.575.153.348
Giá vốn cung cấp dịch vụ	54.965.655.204	29.133.300.295
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(636.632.433)	(3.794.581.602)
Cộng	888.880.328.841	1.039.913.872.041

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

a) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.488.664.024	1.725.720.170
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.338.477.766	8.178.138.774
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	237.782.779	249.901.857
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	56.728.157

Cộng **18.064.924.569** **10.210.488.958**

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	12.226.826	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.680.043	82.401.260
Cộng	37.906.869	82.401.260

5. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

a) Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	171.526.579	236.222.222
Thu nhập từ nhận hỗ trợ, đền bù	1.215.226.910	-
Thu nhập khác	72.043.419	3.086.381
Cộng	1.458.796.908	239.308.603

b) Thu nhập khác đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

6. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Trên phát chậm nộp thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	767.447	117.802.973
Chi phí khác	2.521.591	2.297.166
Cộng	3.289.038	120.100.139

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên bán hàng	28.514.262.642	34.947.587.415
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.440.131.655	1.511.061.214
Chi phí dụng cụ đồ dùng	926.207.367	1.240.645.564
Chi phí khấu hao TSCD	655.593.665	794.154.500
Thuế, phí, lệ phí	285.800.889	172.220.557
	219.893.180	-
Chi phí bảo hành sản phẩm	124.080.000	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm	11.022.616.893	24.593.502.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.281.619.252	2.335.008.027
Chi phí bằng tiền khác	7.558.319.741	4.300.995.085

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh

Chi phí nhân viên quản lý	103.873.409.310	95.440.230.005
Dự phòng tiền lương	59.604.424.865	30.996.157.422
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	15.150.879.611
	1.033.102.205	1.013.022.526

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi phí đồ dùng văn phòng	3.821.707.568	4.103.379.125
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.058.337.488	3.936.723.399
Thuế, phí, lệ phí	2.955.550.122	1.614.591.127
Chi phí dự phòng	-	112.318.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.935.064.694	8.972.391.892
Chi phí bằng tiền khác	23.465.222.368	29.540.766.770
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(30.743.367.172)	(3.493.524.326)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(24.285.802.468)	(3.052.439.862)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(441.084.464)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	(4.500.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng quỹ lương	(1.957.564.704)	-

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.608.480.665	118.607.855.953
Chi phí nhân công	126.697.441.827	124.517.758.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.639.538.188	19.849.629.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.778.185.390	129.306.643.309
Chi phí bằng tiền khác	25.742.178.294	65.648.691.611
Cộng	415.465.824.364	457.930.578.654

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	32.119.634.736	49.079.257.122
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	14.338.477.766	8.178.138.774
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.628.086.504	4.757.600.000
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(564.280)	(56.728.157)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	21.408.679.194	45.601.990.191
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành (1)	4.281.735.839	9.120.398.038

Hoạt động ưu đãi thuế TNDN

Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	323.946.744	380.012.320
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	323.946.744	380.012.320
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi thuế năm hiện hành (2)	32.394.674	38.001.232
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành (3)=(1)+(2)	4.314.130.513	9.158.399.270
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	100.219.941	28.422.008
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.414.350.454	9.186.821.278

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bù trừ công nợ phải trả với khoản phải thu về cho vay	-	50.152.878
Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	14.073.037.766	7.929.288.774

VIII Những thông tin khác

1. Các cam kết

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Công ty con
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Tổng Cục Hậu cần (nay là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật)	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật

Cục Quân y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật

Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Công ty Cổ phần 22

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Công ty Cổ phần 26

Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk

Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội

Kho 205 – Cục Quân nhu – Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Công ty Cổ phần 199

Ông Chu Văn Đệ

Ông Hoàng Sỹ Tâm

Ông Hà Chí Khoa

Ông Phạm Văn Đông

Ông Lê Văn Nghĩa

Ông Đỗ Hoàng Sơn

Ông Nguyễn Hữu Tâm

Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Hoàng Văn Linh

Bà Ngô Thị Hoa

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Bà Phan Thị Thùý

Ông Nguyễn Văn Vinh

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm	614.237.109.416	828.551.523.716
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	198.861.179	98.995.425
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	469.438.107	363.010.957
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	701.344.992	-
Cục Quản nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	603.398.586.250	818.195.008.824
Cục Quản y - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	534.945.889
Công ty Cổ phần 22	10.972.222	-
Công ty Cổ phần 26	5.030.659.866	4.960.851.580

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.427.246.800	4.398.711.041
Doanh thu bán và cho thuê tài sản, mặt bằng	16.137.135.716	18.053.945.518
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.097.036.124	2.299.536.124
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	8.679.415.284	10.415.177.378
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.826.461.672	2.826.461.672
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	2.534.222.636	2.534.222.636
Công ty Cổ phần 199	-	(21.452.292)
Mua hàng	544.613.669.138	597.299.859.437
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	26.708.463.355	39.323.381.642
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	432.142.805.908	393.287.235.834
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	27.060.615.799	35.368.697.046
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	44.441.785.830	57.674.151.559
Công ty Cổ phần 199	28.378.622	62.579.643.414
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	985.910.889	926.486.155
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	2.168.127.148	2.655.473.900
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.483.807.877	1.448.313.920
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.755.281.297	3.073.011.954
Công ty Cổ phần 22	562.523.392	251.452.963
Công ty Cổ phần 26	1.656.216.397	712.011.050
Kho 205 – Cục Quân nhu – Tổng cục Hậu cần	1.619.752.624	-
Lãi cho vay	484.143.835	464.511.353
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	484.143.835	464.511.353
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.338.477.766	8.178.138.774
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.150.925.392	1.649.858.401
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	9.604.828.730	4.761.910.659
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.015.500.383	289.306.344
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.301.783.261	1.228.213.370
Công ty Cổ phần 199	265.440.000	248.850.000
Cho vay	-	13.359.154.688
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	13.359.154.688
Thu hồi khoản cho vay	2.000.000.000	50.152.878
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.000.000.000	50.152.878
Thu nhập khác	53.592.395	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	53.592.395	-
Cổ tức phải trả	12.371.190.000	7.422.714.000
Bộ Quốc Phòng	12.371.190.000	7.422.714.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	57.478.618.943	259.639.000
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	57.466.768.943	-
Công ty Cổ phần 22	11.850.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	259.639.000
Người mua trả tiền trước	-	28.339.634.076
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	-	28.339.634.076
Phải thu về cho vay	17.700.000.000	19.700.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	17.700.000.000	19.700.000.000
Phải trả người bán	37.909.128.890	51.471.668.108
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	9.851.281.270	18.489.327.643
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	10.639.026.308	15.493.369.596
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	2.234.214.807	3.758.847.717
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	12.185.668.628	-
Công ty Cổ phần 199	30.648.912	12.847.387.801
Công ty Cổ phần 22	-	260.780.000
Công ty Cổ phần 26	1.214.324.743	293.153.815
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	477.976.000	176.544.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	847.492.036	152.257.536
Kho 205 – Cục Quân nhu – Tổng cục Hậu cần	428.496.186	-
Trả trước cho người bán	-	47.052.032.598
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	47.052.032.598
Phải trả khác	1.000.000.000	900.000.000
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	500.000.000	500.000.000
Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	200.000.000	200.000.000
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật	-	200.000.000
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật	300.000.000	-

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	4.347.621.552	4.935.455.952
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	57.600.000	72.000.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	325.896.435	75.500.000
Cộng	4.731.117.987	5.082.955.952

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2025		Năm 2024	
		VND		VND	
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.030.079.077		1.008.602.569	
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	972.300.171		968.391.051	
Ông Hà Chi Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)	110.422.778		780.358.839	
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	770.879.509		790.284.942	
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	751.769.452		716.084.430	
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng	712.170.564		671.734.121	
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	28.800.000		15.000.000	
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	28.800.000		15.000.000	
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-		21.000.000	
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)	-		21.000.000	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (không chuyên trách)	139.808.199		27.500.000	
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	91.590.428		24.000.000	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	94.497.808		24.000.000	
Cộng		4.731.117.987		5.082.955.952	

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

